UBND TỈNH BÌNH DƯƠNG **SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 172 /GPMT-STNMT	*Bình Dương, ngày 20 tháng 12 năm 2023*

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 11/2022/QĐ-UBND ngày 18 tháng 4 năm 2022 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Bình Dương ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương;

Căn cứ Quyết định số 975/QĐ-UBND ngày 26 tháng 4 năm 2022 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc uỷ quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định, phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản và cấp giấy phép môi trường đối với các dự án thuộc thẩm quyền của Uỷ ban nhân dân tỉnh;

Xét Văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Công ty TNHH MTV Bất Động Sản Trung Quân ngày 08 tháng 12 năm 2023 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Chi cục trưởng Chi cục Bảo vệ môi trường tại Tờ trình số 4144/TTr-CCBVMT ngày 19 tháng 12 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH MTV Bất Động Sản Trung Quân địa chỉ trụ sở chính tại Ô 25-26, lô B, đường Lê Lợi, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Dự án Khu nhà ở Trung Quân tại khu phố Bàu Bàng, thị trấn Lai Uyên, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư:

1.1. Tên dự án đầu tư: Khu nhà ở Trung Quân

1.2. Địa điểm hoạt động: Khu phố Bàu Bàng, thị trấn Lai Uyên, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên có mã số doanh nghiệp 3702732842 do Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, đăng ký lần đầu ngày 26 tháng 12 năm 2018, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 16 tháng 09 năm 2023.

1.4. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Kinh doanh bất động sản dưới hình thức chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã đầu tư hạ tầng kỹ thuật cho người dân tự xây dựng nhà ở theo quy định của pháp luật về đất đai, kinh doanh bất động sản, nhà ở sau khi đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

1.5. Mã số thuế: 3702732842

1.6. Văn bản số 1460/UBND-KTN ngày 04 tháng 04 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc chấp thuận cho công ty TNHH MTV Bất động sản Trung Quân làm chủ đầu tư Dự án Khu nhà ở Trung Quân, Văn bản số 6083/UBND-KT ngày 26 tháng 11 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc chấp thuận chủ trương đầu tư Dự án Khu nhà ở Trung Quân và Quyết định số 1931/QĐ-UBND ngày 21 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án Khu nhà ở Trung Quân.

1.7. Quyết định số 1411/QĐ-STNMT ngày 06 tháng 11 năm 2019 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Khu nhà ở Trung Quân của Công ty TNHH MTV Bất Động Sản Trung Quân.

1.8. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

1.8.1. Phạm vi:

- Tổng diện tích đất 80.803,3 m^2, bao gồm:

+ Đất ở (đất ở liên kế): 42.363,6 m^2.

+ Đất giáo dục (01 trường mầm non): 4.467,1 m^2.

+ Đất cây xanh: 2.635,4 m^2.

+ Đất hạ tầng kỹ thuật: 3.393,0 m^2 (Trạm xử lý nước thải: 271,9 m^2; Đất hành

lang kỹ thuật: 3.121,1 m^2).

+ Đất giao thông: 27.246,3 m^2.

+ Đất hành lang an toàn đường bộ: 697,9 m^2.

1.8.2. Quy mô, công suất:

- Dự án nhóm B theo tiêu chí của pháp luật về đầu tư công.

- Dự án đầu tư nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Quy mô: 509 căn, dân số khoảng 1.650 người; 01 trường mầm non với quy mô khoảng 310 người.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH MTV Bất động Trung Quân được cấp Giấy phép môi trường:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH MTV Bất Động Sản Trung Quân có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; quản lý chất thải theo

quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến Sở Tài nguyên và Môi trường.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: **10 năm** (từ ngày.*20* tháng *.12.* năm 2023 đến ngày.*19.* tháng..*12*..năm 2033).

Điều 4. Giao Chi cục Bảo vệ môi trường, Thanh tra Sở tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Dự án Khu nhà ở Trung Quân tại khu phố Bàu Bàng, thị trấn Lai Uyên, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương của Công ty TNHH MTV Bất động sản Trung Quân theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- Công ty TNHH MTV Bất động sản Trung Quân;
- Sở Xây dựng;
- UBND huyện Bàu Bàng;
- UBND thị trấn Lai Uyên;
- Cổng Thông tin điện tử Sở TNMT;
- Lưu: VT, CCBVMT, V.Thanh5.

GIÁM ĐỐC

CỘNG HOÀ X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG

Ngô Quang Sự

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 172 /GPMT-STNMT ngày 20 tháng 12 năm 2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải (giai đoạn 1):

- Nguồn số 01: Nước thải phát sinh từ các hộ dân với lưu lượng khoảng 150 m^3/ngày.đêm.

- Nguồn số 02: Nước thải phát sinh từ trường học với lưu lượng khoảng 20 m^3/ngày.đêm.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Suối Bến Ván tại thị trấn Lai Uyên, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương cuối cùng chảy ra sông Thị Tính.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Hố ga thoát nước trên đường ĐX 614.539 *(theo Văn bản chấp thuận số 385/UBND-KT ngày 08 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân thị trấn Lai Uyên).*

- Tọa độ vị trí xả nước thải: X(m) = 1247246,45 Y(m) = 595419,75 *(Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục $105^0 45'$, múi chiếu 3^0).*

- Điểm xả nước thải sau xử lý phải có biển báo, ký hiệu rõ ràng, thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát xả thải theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 87 Luật Bảo vệ môi trường.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất (giai đoạn 1): 170 m^3/ngày.đêm *(trung bình 7,08 m^3/giờ).*

2.3.1. Phương thức xả nước thải:

- Nước thải sau xử lý => Tự chảy theo đường ống uPVC-DN150 dài khoảng 300 m => Hố ga thoát nước trên đường ĐX614.539 => Suối Bến Ván nằm ở phía Tây Bắc cách dự án khoảng 2.230m => Sông Thị Tính.

- Hình thức xả: Tự chảy.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Liên tục *(24 giờ).*

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả thải phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt - QCVN 14:2008/BTNMT (cột A, hệ số K = 1,0), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	5-9	Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải tự động theo quy định tại khoản 3 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP	Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải tự động theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP
2	BOD_5 (20^oC)	mg/L	30		
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	50		
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/L	500		
5	Sunfua (H_2S)	mg/L	1		
6	Amoni (tính theo N)	mg/L	5		
7	Nitrat (NO_3^-) (tính theo N)	mg/L	30		
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/L	10		
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/L	5		
10	Photphat (PO_4^{3-}) (tính theo P)	mg/L	6		
11	Coliform	MPN/100mL	3.000		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nguồn số 1: Nước thải phát sinh từ các hộ dân => Ống uPVC 114mm => Tuyến ống thu gom chung HDPE D300mm, 400mm => Công trình xử lý nước thải.

- Nguồn số 2: Nước thải phát sinh từ trường học => Ống uPVC 114mm => Tuyến ống thu gom chung HDPE D300mm, 400mm => Công trình xử lý nước thải.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải (giai đoạn 1)

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải => Hố thu gom, song chắn rác => Bể tách dầu mỡ kết hợp lắng cát => Bể điều hòa => Bể sinh học thiếu khí => Bể sinh học hiếu khí có giá thể => Bể lắng => Bể lọc => Bể khử trùng => Mương quan trắc => Hố ga thoát nước trên đường ĐX 614.539 => Nguồn tiếp nhận.

- Công suất thiết kế: 170 m^3/ngày.đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Men vi sinh, Clorine.

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Trong quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải, nếu nước thải sau xử lý không đáp ứng quy chuẩn cho phép xả thải thì Chủ dự án phải có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nội dung quy định tại khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, cụ thể như sau:

+ Rà soát các công trình, thiết bị xử lý chất thải, quy trình vận hành hệ thống xử lý chất thải để xác định nguyên nhân gây ô nhiễm và đưa ra giải pháp khắc phục; cải tạo, nâng cấp, xây dựng bổ sung (nếu có) các công trình xử lý chất thải để đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định;

+ Trường hợp gây ra sự cố môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường, chủ dự án đầu tư phải dừng ngay hoạt động vận hành thử nghiệm và báo cáo kịp thời tới cơ quan cấp giấy phép môi trường để được hướng dẫn giải quyết; chịu trách nhiệm khắc phục sự cố môi trường, bồi thường thiệt hại và bị xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật;

+ Lập kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải hoặc từng hạng mục công trình xử lý chất thải không đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường về chất thải để vận hành lại. Trình tự, thủ tục, thời gian vận hành thử nghiệm lại công trình xử lý chất thải được thực hiện như vận hành thử nghiệm lần đầu.

- Đối với sự cố hỏng về điện hoặc do thiết bị, máy móc của hệ thống bị hư: Vận hành và bảo trì các máy móc thiết bị trong hệ thống thường xuyên theo đúng hướng dẫn kỹ thuật nhà cung cấp; lập hồ sơ giám sát kỹ thuật các công trình đơn vị để theo dõi sự ổn định của hệ thống, đồng thời tạo cơ sở để phát hiện sự cố một cách sớm nhất, nhằm sửa chữa kịp thời trong trường hợp xảy ra sự cố, tránh ảnh hưởng đến việc vận hành của hệ thống.

- Đối với sự cố do thao tác vận hành xử lý không đúng cách: Điều chỉnh lượng khí, nhu cầu dinh dưỡng, hóa chất do thao tác vận hành xử lý không đúng cách hoặc quá tải trong việc tiếp nhận nước thải; đảm bảo vận hành hệ thống theo đúng quy trình đã được hướng dẫn; lấy mẫu và phân tích chất lượng mẫu nước sau xử lý nhằm đánh giá hiệu quả hoạt động của công trình xử lý.

- Khi công trình xử lý nước thải không đạt quy chuẩn cho phép trước khi thải ra môi trường: Thiết kế đường ống và bơm để tuần hoàn nước thải về lại bể điều hòa, trong trường hợp bể điều hòa không đảm bảo, sẽ tiến hành lưu chứa tại các bể xử lý khác để tăng thời gian; tăng cường công suất máy thổi khí (bố trí máy dự phòng) của bể hiếu khí khi có sự cố; chuẩn bị men vi sinh dự phòng cho bể kỵ khí. Sau khi khắc phục xong sự cố, nước thải được tiếp tục xử lý đảm bảo đạt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường nước trước khi xả ra môi trường tiếp nhận.

- Báo ngay cho cơ quan có chức năng về môi trường các sự cố để được hỗ trợ về kỹ thuật và có biện pháp khắc phục kịp thời.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Dự kiến 03 tháng *(từ ngày 01/10/2024 đến ngày 31/12/2024)*.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm:

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: 02 vị trí

- Mẫu đầu vào của công trình xử lý nước thải *(tại Bể thu gom)*, Tọa độ X(m) = 1246971,69, Y(m) = 595471,22 *(Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục $105^0 45'$, múi chiếu 3^0)*.

- Mẫu đầu ra sau công trình xử lý nước thải (*mương quan trắc*). Tọa độ X(m) =1246964,61, Y(m) = 595477,92 *(Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục $105^0 45'$, múi chiếu 3^0)*.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Theo nội dung mục 2.3.3 phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu (trong giai đoạn vận hành ổn định của công trình xử lý nước thải):

- Thời gian đánh giá: 03 ngày liên tiếp sau giai đoạn điều chỉnh *(giai đoạn điều chỉnh do Chủ dự án tự xem xét trong quá trình vận hành thử nghiệm của công trình xử lý nước thải).*

- Loại mẫu: Mẫu đơn.

- Tần suất quan trắc: 01 ngày/lần *(đo đạc, lấy và phân tích mẫu đơn đối với 01 mẫu nước thải đầu vào tại Bể thu gom và 03 mẫu nước thải đầu ra tại mương quan trắc nước thải sau xử lý trong 03 ngày liên tiếp).*

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án, đảm bảo đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo phương án đấu nối, đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành dự án.

3.3. Xây dựng điểm quan trắc nước thải đảm bảo theo đúng quy định tại khoản 4 Điều 8 Quy định Bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh ban hành kèm theo Quyết định số 22/20223/QĐ-UBND ngày 06 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

3.4. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải. Trong quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải, nếu nước thải sau xử lý không đáp ứng quy chuẩn cho phép xả thải thì Chủ dự án phải có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nội dung quy định tại khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

3.5. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc nước thải, phân định chất thải và lập

báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải, gửi Sở Tài nguyên và Môi trường trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải.

3.6. Bảo đảm bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả công trình thu gom, xử lý nước thải. Việc vận hành công trình xử lý nước thải phải có nhật ký vận hành ghi chép đầy đủ các thông tin liên quan: lưu lượng (đầu vào, đầu ra), các thông số đặc trưng của nước thải đầu vào và đầu ra, lượng điện tiêu thụ; loại và lượng hóa chất sử dụng, bùn thải phát sinh; nhật ký vận hành viết bằng tiếng Việt và lưu giữ tối thiểu 02 năm.

3.7. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục, không được phép xả nước thải chưa được xử lý đạt quy chuẩn quy định ra môi trường.

Phụ lục 2

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 172 /GPMT-STNMT ngày 20 tháng12năm 2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

1. Nguồn phát sinh khí thải: Khí thải *(mùi hôi)* phát sinh từ bể thu gom, bể tách dầu mỡ, bể điều hòa, bể xử lý sinh học thiếu khí, bể sinh học hiếu khí, bể gạn bùn của công trình xử lý nước thải của dự án.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

2.1. Vị trí xả khí thải: Tại ống xả thải của công trình xử lý khí thải *(mùi hôi)* phát sinh từ công trình xử lý nước thải.

Tọa độ vị trí xả khí thải: X(m) = 1246972,55; Y(m) = 595474,61 *(Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 105°45', múi chiếu 3°).*

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 300 m^3/giờ.

2.2.1. Phương thức xả khí thải: liên tục *(24 giờ)*.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với bụi, khí thải *(QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và chất vô cơ, cột B, k_p=1, k_v=1,0 và QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ)*, cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	H_2S	mg/Nm^3	7,5	Không thuộc đối tượng quan trắc khí thải định kỳ theo khoản 3 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP	Không thuộc đối tượng quan trắc khí thải tự động theo khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP
2	NH_3	mg/Nm^3	50		
3	CH_3SH	mg/Nm^3	15		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải:

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải để đưa về hệ thống xử lý:

Khí thải *(mùi hôi)* của công trình xử lý nước thải được thu gom bằng quạt hút (*công suất 300 m^3/giờ*) qua các đường ống dẫn bằng uPVC DN50 về công trình xử lý

khí thải *(mùi hôi).*

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải *(mùi hôi)* => Hệ thống ống dẫn uPVC DN50 => Quạt hút *(lưu lượng 300 m^3/giờ)* => Tháp hấp phụ bằng than hoạt tính *(Tháp hình trụ, đường kính 1m, chiều cao 1,2m)* => Ống phát thải (*ống uPVC DN50, chiều cao 4,7 m (tính từ mặt đất)).*

- Hóa chất sử dụng: Than hoạt tính với khối lượng 480kg/năm, tần suất thay thế khoảng 3 tháng/lần.

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Thường xuyên theo dõi hoạt động và thực hiện bảo dưỡng định kỳ thiết bị xử lý khí thải; dự phòng thiết bị thay thế khi thiết bị xử lý khí thải hỏng hóc.

- Trường hợp các thông số ô nhiễm trong khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường trước khi xả thải, cán bộ vận hành tiến hành kiểm tra tháp hấp phụ, quạt hút theo quy trình vận hành hệ thống, kiểm tra toàn bộ hệ thống để tìm kiếm nguyên nhân và phạm vi sự cố để tiến hành xử lý.

- Trường hợp công trình, thiết bị xử lý khí thải gặp sự cố, phải thay thế, sửa chữa kịp thời hoặc trường hợp sự cố kéo dài sẽ báo cáo người có thẩm quyền để kiểm tra, khắc phục.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Cùng với thời gian vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải *(dự kiến từ ngày 01/10/2024 đến ngày 31/12/2024).*

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm:

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: X(m) = 124697,55; Y(m) = 595474,61 *(Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục $105^0 45'$, múi chiếu 3^0).*

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: theo nội dung mục 2.2.2 phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

- Thời gian đánh giá trong giai đoạn vận hành ổn định của công trình xử lý khí thải *(mùi hôi)* phát sinh từ công trình xử lý nước thải: 03 ngày liên tiếp.

- Loại mẫu: mẫu đơn.

- Tần suất quan trắc: 01 ngày/lần *(đo đạc, lấy và phân tích mẫu đơn đối với 01 mẫu tại ống xả thải của công trình xử lý mùi hôi phát sinh từ công trình xử lý nước thải).*

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2.2.2 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Xây dựng điểm quan trắc khí thải đảm bảo theo đúng quy định tại khoản 2

Điều 9 Quy định Bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh ban hành kèm theo Quyết định số 22/20223/QĐ-UBND ngày 06 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

3.3. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.

3.4. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc khí thải, phân định chất thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải, gửi Sở Tài nguyên và Môi trường trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải.

3.5. Bảo đảm bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các công trình, công trình thu gom, xử lý khí thải. Việc vận hành công trình xử lý khí thải phải có nhật ký vận hành ghi chép đầy đủ các thông tin liên quan; nhật ký vận hành viết bằng tiếng Việt và lưu giữ tối thiểu 02 năm.

3.6. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu của quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2.2.2 Phần A phụ lục này và ngừng ngay việc xả khí thải để thực hiện các biện pháp khắc phục, không được phép xả khí thải chưa được xử lý đạt quy chuẩn quy định ra môi trường.

Phụ lục 3

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 172 /GPMT-STNMT ngày 20 tháng 12 năm 2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

Nguồn: Khu vực công trình xử lý nước thải *(từ máy thổi khí, quạt hút, máy bơm).*

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

Vị trí: Khu vực công trình xử lý nước thải (giai đoạn 1). Tọa độ: X(m) = 1246975,88; Y(m) = 595473,06 *(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến 105^o múi chiếu 3^o).*

3. Tiếng ồn, độ rung

Phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Ghi chú
1	70	55	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ	
1	70	60	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn: Thường xuyên bảo dưỡng máy móc, thiết bị, đảm bảo động cơ hoạt động ổn định để giảm thiểu tiếng ồn; tạo khoảng cách cách ly và trồng cây xanh trong khuôn viên trạm xử lý nước thải theo quy định tại QCVN 01:2021/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng.

- Công trình, biện pháp giảm thiểu độ rung: Đối với máy thổi khí, máy bơm, quạt hút mùi trong nhà điều hành công trình xử lý nước thải lắp đặt gối lên các đệm cao su, không tiếp xúc trực tiếp với chân đế bằng bê tông, từ đó giảm thiểu độ rung khi hoạt động. Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay thế dầu bôi trơn.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

Phụ lục 4

YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 172 /GPMT-STNMT ngày 20 tháng 12 năm 2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên

TT	Tên chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/năm)	Trạng thái tồn tại	Mã chất thải	Kí hiệu
1	Bóng đèn và các loại thủy tinh hoạt tính thải	840	Rắn	16 01 06	NH
2	Pin thải, ắc quy thải	1.200	Rắn	16 01 12	NH
3	Thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện thải có linh kiện điện tử; đèn Led	720	Rắn	16 01 13	NH
4	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp	600	Lỏng	17 02 03	NH
5	Bao bì mềm thải (bao bì chứa hoá chất xử lý nước thải, xà phòng, bột giặt, bao bì chứa phân, thuốc trừ sâu…)	360	Rắn	18 01 01	KS
6	Bao bì kim loại có các thành phần nguy hại (bình xịt côn trùng/lon sơn thải,…)	720	Rắn	18 01 02	KS
7	Bao bì cứng chứa thành phần nguy hại (bao bì chứa hoá chất xử lý nước thải,…).	600	Rắn	18 01 03	KS

8	Giẻ lau thải bị nhiễm các thành phần nguy hại (từ hoạt động bảo trì công trình xử lý nước thải, hệ thống cơ điện)	432	Rắn	18 02 01	KS
9	Than hoạt tính thải bỏ	480	Rắn	19 12 03	KS
	TỔNG KHỐI LƯỢNG	**5.952**			

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn thông thường phát sinh

STT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Bùn thải từ công trình xử lý nước thải	12 06 13	12.099
2	Dầu mỡ thải từ bể tách dầu mỡ	12 06 11	558

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: Khi dự án đi vào hoạt động, chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của các hộ dân, trường học bao gồm: chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế; chất thải thực phẩm; chất thải rắn sinh hoạt phải xử lý với khối lượng khoảng 2.548 kg/ngày.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Trang bị 09 thùng loại 120 lít có nắp đậy, dán nhãn, mã chất thải nguy hại để lưu chứa từng loại chất thải nguy hại.

2.1.2. Kho lưu chứa

- 01 kho lưu chứa chất thải nguy hại diện tích 9m^2 *(đặt cạnh công trình xử lý nước thải).*

- Thiết kế, cấu tạo của kho: Vách tường bao xung quanh; nền bê tông chống thấm, đảm bảo kín khít, không bị thẩm thấu; có nền cao hơn mặt bằng xung quanh, đảm bảo ngăn nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; đảm bảo không chảy tràn chất thải lỏng ra bên ngoài khi có sự cố rò rỉ, đổ tràn; có mái tôn che kín nắng, mưa; cửa khóa, biển cảnh báo (kích thước mỗi chiều tối thiểu 30cm); trang bị đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy; có vật liệu hấp thụ (như cát khô hoặc mùn cưa);… theo quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường

2.2.1. Thiết bị lưu chứa:

- Trang bị 01 thùng loại 240 lít (*có nắp đậy*) để lưu chứa dầu mỡ thải.

- Bùn thải từ công trình xử lý nước thải được lưu chứa tại bể gạn bùn thể tích 4,62 m^3, định kỳ 3 tháng hút 01 lần.

2.2.2. Kho lưu chứa:

Thùng chứa dầu mỡ được lưu chứa trong kho chứa chất thải nguy hại.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa:

- Đối với khu nhà ở: Tự trang bị các túi đựng rác, thùng chứa rác.

- Đối với trường học: Nhà trường sẽ trang bị các túi đựng rác, thùng chứa rác để lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt *(được dán nhãn theo từng loại, thùng màu xanh đựng chất thải thực phẩm, thùng màu cam đựng chất thải rắn sinh hoạt phải xử lý, thùng màu đỏ đựng chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế)*; trang bị 03 thùng loại 550 lít đặt tại khu vực lưu chứa của Trường.

2.3.2. Kho/khu vực lưu chứa: không

2.4. Yêu cầu bảo vệ môi trường chung đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại

- Xây dựng quy định quản lý khu nhà ở, trường mầm non; hướng dẫn các hộ dân thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn *(chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế; chất thải thực phẩm; chất thải rắn sinh hoạt còn lại; chất thải nguy hại)*, trang bị các bao bì, thùng chứa *(dán nhãn theo từng loại rác thải)* phù hợp để lưu giữ các loại chất thải.

- Đối với khu nhà ở: Định kỳ, hàng ngày các hộ dân sẽ chuyển giao trực tiếp rác thải cho Đơn vị thu gom và tự đóng phí.

- Đối với trường học: Định kỳ, hàng ngày nhân viên vệ sinh của trường sẽ di chuyển các thùng chất thải rắn sinh hoạt ra bên ngoài khuôn viên trường học, thuận tiện cho xe thu gom.

- Đối với dầu, mỡ thải sau khi được vớt từ bể tách dầu mỡ sẽ được lưu chứa trong thùng tại kho lưu chứa chất thải nguy hại.

- Đối với chất thải nguy hại sau khi đã phân loại, người dân sẽ tự mang đến kho chứa chất thải nguy hại tập trung.

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo quy định.

- Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Điều 33, 34, 36, 37 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch ứng phó sự cố môi trường của cơ sở theo quy định tại Khoản 4 Điều 124 của Luật Bảo vệ môi trường 2020 và có trách nhiệm công khai kế hoạch ứng phó sự cố môi trường của cơ sở; gửi kế hoạch ứng phó sự cố môi trường tới Ủy ban nhân dân thị trấn Lai Uyên và Ban chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn huyện Bàu Bàng theo quy định tại Khoản 3 Điều 110 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ; đồng thời, có trách nhiệm thông báo cho Ủy ban nhân dân thị trấn về nguy cơ sự cố môi trường và biện pháp ứng phó sự cố môi trường để thông tin cho tổ chức, cá nhân, cộng đồng dân cư xung quanh theo quy định tại Khoản 2 Điều 129 của Luật Bảo vệ môi trường 2020.

- Có trách nhiệm tổ chức ứng phó sự cố môi trường trong phạm vi cơ sở; trường hợp vượt quá khả năng ứng phó, phải kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân thị trấn Lai Uyên nơi xảy ra sự cố và Ban chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn huyện Bàu Bàng để phối hợp ứng phó theo quy định tại điểm a Khoản 4 Điều 125 của Luật Bảo vệ môi trường 2020.

Phụ lục 5

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 172 /GPMT-STNMT ngày 20 tháng 12 năm 2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương)

A. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG:

Các nội dung tiếp tục thực hiện trong giai đoạn tiếp theo:

- Xây dựng công trình xử lý nước thải (giai đoạn 2), công suất 170 m^3/ngày.đêm, quy trình xử lý như sau: Nước thải => Hố thu gom, song chắn rác => Bể tách dầu mỡ kết hợp lắng cát => Bể điều hòa => Bể sinh học thiếu khí => Bể sinh học hiếu khí có giá thể => Bể lắng => Bể lọc => Bể khử trùng => Mương quan trắc (sử dụng chung của công trình xử lý nước thải của giai đoạn 1).

- Xây dựng công trình xử lý khí thải *(mùi hôi từ công trình xử lý nước thải (giai đoạn 2))*, quy trình xử lý như sau: Khí thải *(mùi hôi từ hệ thống xử lý nước thải)* => Hệ thống ống dẫn uPVC DN50 => Quạt hút *(lưu lượng 300 m^3/giờ)* => Tháp hấp phụ bằng than hoạt tính *(Tháp hình trụ, đường kính 1m, chiều cao 1,2m)* => Ống phát thải (*ống uPVC DN50, chiều cao 4,7 m (tính từ mặt đất)*).

- Triển khai xây dựng công trình xử lý nước thải (giai đoạn 2) và công trình xử lý khí thải *(mùi hôi từ công trình xử lý nước thải (giai đoạn 2))*, khi công trình xử lý nước thải (giai đoạn 1) đạt khoảng 80% công suất thiết kế.

- Thực hiện công tác bảo vệ môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng theo quy định của pháp luật. Áp dụng các biện pháp kỹ thuật, quản lý và tổ chức thi công phù hợp để hạn chế tối đa các tác động bất lợi đến hệ sinh thái, cảnh quan, môi trường và các hoạt động kinh tế dân sinh khác khu vực dự án trong quá trình thi công xây dựng. Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy phạm kỹ thuật và các quy định của pháp luật hiện hành trong quá trình thẩm định, phê duyệt thiết kế và thi công xây dựng các hạng mục công trình của dự án; đảm bảo quy hoạch đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

3. Sau khi hoàn thành các hạng mục trên, Công ty có trách nhiệm báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường để được xem xét, cấp giấy phép môi trường theo quy định của pháp luật.

B. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Tuân thủ Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Quyết định số 22/2023/QĐ-UBND ngày 06 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc ban hành Quy định bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

2. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình thi công, hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

3. Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy phạm kỹ thuật và các quy định của pháp luật hiện hành trong quá trình xây dựng, thẩm định và phê duyệt thiết kế các hạng mục công trình của Dự án.

4. Thực hiện chương trình quản lý, giám sát môi trường và các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường theo nội dung được cấp giấy phép, số liệu giám sát phải được cập nhật và lưu giữ để cơ quan quản lý nhà nước kiểm tra.

5. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai Giấy phép môi trường, thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

6. Thực hiện đúng và đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới.

7. Sau khi hoàn thiện các hạng mục, công trình còn lại của dự án, chủ dự án có trách nhiệm báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường để xem xét, cấp giấy phép môi trường theo quy định.